

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1576/QĐ-ĐHLHN và Quyết định số 1577/QĐ-ĐHLHN ngày 22/6/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

- Chương trình đào tạo đại học Luật hình thức vừa làm vừa học (VB1) ban hành kèm theo Quyết định số 1576/QĐ-ĐHLHN ngày 22 tháng 6 năm 2015 được thực hiện trong 10 kỳ/khóa học.

- Chương trình đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai ngành Luật (VB2) hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo Quyết định số 1577/QĐ-ĐHLHN ngày 22 tháng 6 năm 2015 được thực hiện trong 05 kỳ/khóa học.

- Cả hai loại chương trình đào tạo đại học này được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2015-2016.

II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

2.1. Học phần, môn học bắt buộc

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 22 tín chỉ (VB1), 03 tín chỉ (VB2).
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cho mỗi loại VB1, VB2: 66 tín chỉ.

2.2 Học phần, môn học tự chọn

- Khối kiến thức giáo dục đại cương cho mỗi loại VB1, VB2: 04 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cho mỗi loại VB1, VB2: 24 tín.

2.2.1 Các môn học được chọn cứng (tương tự như bắt buộc), gồm 09 môn.

- Quan hệ kinh tế quốc tế;
- Lịch sử nhà nước và pháp luật;
- Luật học so sánh;
- Tội phạm học;
- Khoa học điều tra tội phạm;
- Tâm lý học tư pháp;
- Luật sở hữu trí tuệ;
- Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Luật môi trường.

2.2.2 Môn học được chọn quay vòng trong khoa: gồm 05 môn, mỗi khoa chọn 01 môn/14 môn:

a/ Khoa Lý luận chính trị

- Đại cương văn hóa Việt Nam.
- Logic học.

b/ Khoa Pháp luật hành chính nhà nước:

- Luật hiến pháp nước ngoài;
- Luật tổ tụng hành chính;
- Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng;

b/ Khoa Pháp luật dân sự:

- Luật bình đẳng giới;
- Luật thi hành án dân sự;

c/ Khoa Pháp luật kinh tế:

- Luật đầu tư;



- Luật an sinh xã hội;
- Luật ngân hàng,
- Pháp luật về kinh doanh bất động sản.

d/ Khoa Pháp luật quốc tế:

- Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người
- Pháp luật về trọng tài thương mại
- Pháp luật liên minh châu Âu.

2.2.3 Tổ chức giờ giảng, thảo luận cho các loại chương trình đào tạo

(Xem bản phụ lục chi tiết về thực hiện chương trình VB1, VB2 kèm theo)

2.3. Thực tập và thi tốt nghiệp

2.3.1 Thực tập

- Khối lượng kiến thức cho thực tập 3-4 tín chỉ.
- Học viên thực tập tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương cử đi học hoặc thực tập tại một đơn vị khác nếu thấy phù hợp và nộp báo cáo thực tập vào kỳ học cuối cùng.
- Nội dung thực tập phải phù hợp với ngành học, đối tượng học và hình thức đào tạo.

2.3.2 Thi tốt nghiệp

- Nội dung thi tốt nghiệp thuộc kiến thức chuyên ngành: 06-07 tín chỉ
- Thi tốt nghiệp 02 môn được lựa chọn trong số 11 môn chuyên ngành, gồm: Luật hiến pháp; Luật hành chính; Luật hình sự; Luật tố tụng hình sự; Luật dân sự; Luật tố tụng dân sự; Luật thương mại; Luật lao động; Công pháp quốc tế; Tư pháp quốc tế, Luật thương mại quốc tế.
- Môn thi tốt nghiệp được nhà trường thông báo vào kỳ học thứ 9 của khóa

học



Phụ lục 1

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỮA LÀM VỮA HỌC (VĂN BẰNG 1)**

(Chương trình đào tạo được ban hành theo Quyết định số 1576 ngày 22 tháng 6 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

I. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1 Phần bắt buộc chung: 22 tín chỉ

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TC	LÝ THUYẾT	THẢO LUẬN	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	DCBB01	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30	10		
2	DCBB02	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45	15		
3	DCBB03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	10		
4	DCBB04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	15		
5	DCBB05	Xã hội học pháp luật	3	45	15		
6	DCBB06	Ngoại ngữ 1: tiếng Anh.	3	45	15		Học viên tự học và nộp chứng chỉ A
7	DCBB07	Ngoại ngữ 2: tiếng Anh	4	60	20		Học viên tự học và nộp chứng chỉ A
8	DCBB08	Tin học	2	30	10		Học viên tự học và nộp chứng chỉ A

1.2. Phần tự chọn: 04 tín chỉ, gồm các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, cơ sở khối ngành

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT	THẢO LUẬN	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	ĐCTC02	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	30	10		Chọn cứng
2	ĐCTC04	Đại cương văn hoá Việt Nam	2	30	10		Chọn 01 môn
3	DCTC06	Logic học	2	30	10		

II. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

2.1 Phần bắt buộc: 66 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT	THẢO LUẬN	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	CNBB01	Lý luận nhà nước và pháp luật	5	75	25		
2	CNBB02	Luật hiến pháp	4	60	20	CNBB01	
3	CNBB03	Xây dựng văn bản pháp luật	3	45	15	CNBB01 CNBB02	
4	CNBB04	Luật hành chính	4	60	20	CNBB01 CNBB02	
5	CNBB05	Luật hình sự 1	3	45	15		
6	CNBB06	Luật hình sự 2	3	45	15	CNBB05	
7	CNBB07	Luật tố tụng hình sự	3	45	15	CNBB05 CNBB06	
8	CNBB08	Luật dân sự 1	3	45	15	CNBB02	
9	CNBB09	Luật dân sự 2	3	45	15	CNBB08	
10	CNBB10	Luật hôn nhân và gia đình	3	45	15	CNBB08	
11	CNBB11	Luật tố tụng dân sự	3	45	15	CNBB08 CNBB09 CNBB10	
12	CNBB12	Luật thương mại 1	3	45	15	CNBB08	
13	CNBB13	Luật thương mại 2	3	45	15	CNBB12	
14	CNBB14	Luật lao động	3	45	15	CNBB08 CNBB09	
15	CNBB15	Luật tài chính	3	45	15	CNBB04	
16	CNBB16	Luật đất đai	3	45	15	CNBB04 CNBB08	
17	CNBB17	Công pháp quốc tế	4	60	20	CNBB02	

2/11

18	CNBB18	Tư pháp quốc tế	4	60	20	CNBB08
19	CNBB19	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	45	15	
20	CNBB20	Luật thương mại quốc tế	3	45	15	CNBB12 CNBB13

2.2. Phần tự chọn: 24 tín chỉ, gồm các môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng

ST T	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT	THẢO LUẬN	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	CNTC01	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	30	10		Chọn cứng
2	CNTC02	Luật học so sánh	2	30	10	CNBB01 CNBB02	Chọn cứng
3	CNTC10	Tội phạm học	2	30	10	CNBB05 CNBB06	Chọn cứng
4	CNTC11	Khoa học điều tra tội phạm	2	30	10	CNBB07	Chọn cứng
5	CNTC13	Tâm lý học tư pháp	2	30	10	CNBB07	Chọn cứng
6	CNTC16	Luật sở hữu trí tuệ	2	30	10	CNBB08 CNBB09	Chọn cứng
7	CNTC27	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	30	10	CNBB12	Chọn cứng
8	CNTC28	Luật môi trường	2	30	10		Chọn cứng
9	CNTC34	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	2	30	10	CNBB17	
10	CNTC39	Pháp luật về trọng tài thương mại	2	30	10	CNBB18	Chọn 01 môn
11	CNTC41	Pháp luật liên minh châu Âu	2	30	10		
12	CNTC04	Luật hiến pháp nước ngoài	2	30	10	CNBB01	
13	CNTC05	Luật tổ tụng hành chính	2	30	10	CNBB04	Chọn 01 môn
14	CNTC43	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	30	10	CNBB04	
15	CNTC19	Luật bình đẳng giới	2	30	10	CNBB10	Chọn 01 môn
16	CNTC21	Luật thi hành án dân sự	2	30	10	CNBB11	
17	CNTC22	Luật đầu tư	2	30	10	CNBB12	
18	CNTC23	Luật an sinh xã hội	2	30	10	CNBB14	Chọn 01 môn
19	CNTC24	Luật ngân hàng	2	30	10	CNBB12	
20	CNTC30	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	30	10	CNBB16	

III. KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẬP VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 tín chỉ, gồm:

- Khối kiến thức cho thực tập tốt nghiệp: 3-4 tín chỉ.
- Khối kiến thức cho thi tốt nghiệp: 6-7 tín chỉ.

Phụ lục 2

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC THỨ HAI NGÀNH LUẬT, HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Chương trình đào tạo được ban hành theo Quyết định số 1577 ngày 22 tháng 6 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

I. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1 Phần bắt buộc chung: 3 tín chỉ

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT VÀ THẢO LUẬN	TỰ NC VÀ THỰC HÀNH	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
1	DCBB05	Xã hội học pháp luật	3	45	15		

1.2 Phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, cơ sở khối ngành

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT VÀ THẢO LUẬN	TỰ NC VÀ THỰC HÀNH	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
1	ĐCTC02	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	30	10		Chọn cứng
2	ĐCTC04	Đại cương văn hoá Việt Nam	2	30	10		Chọn 01 môn
3	ĐCTC06	Logic học	2	30	10		

II. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

2.1 Phần bắt buộc: 66 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT VÀ THẢO LUẬN	TỰ NC VÀ THỰC HÀNH	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
1	CNBB01	Lý luận nhà nước và pháp luật	5	75	25		C
2	CNBB02	Luật hiến pháp	4	60	20	CNBB01	
3	CNBB03	Xây dựng văn bản pháp luật	3	45	15	CNBB01 CNBB02	.1
4	CNBB04	Luật hành chính	4	60	20	CNBB01 CNBB02	
5	CNBB05	Luật hình sự 1	3	45	15		
6	CNBB06	Luật hình sự 2	3	45	15	CNBB05	
7	CNBB07	Luật tố tụng hình sự	3	45	15	CNBB05 CNBB06	
8	CNBB08	Luật dân sự 1	3	45	15	CNBB02	
9	CNBB09	Luật dân sự 2	3	45	15	CNBB08	
10	CNBB10	Luật hôn nhân và gia đình	3	45	15	CNBB08	
11	CNBB11	Luật tố tụng dân sự	3	45	15	CNBB08 CNBB09 CNBB10	
12	CNBB12	Luật thương mại 1	3	45	15	CNBB08	
13	CNBB13	Luật thương mại 2	3	45	15	CNBB12	
14	CNBB14	Luật lao động	3	45	15	CNBB08 CNBB09	
15	CNBB15	Luật tài chính	3	45	15	CNBB04	
16	CNBB16	Luật đất đai	3	45	15	CNBB04 CNBB08	
17	CNBB17	Công pháp quốc tế	4	60	20	CNBB02	
18	CNBB18	Tư pháp quốc tế	4	60	20	CNBB08	
19	CNBB19	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	45	15		
20	CNBB20	Luật thương mại quốc tế	3	45	15	CNBB12 CNBB13	

12/4

2.2. Phần tự chọn: 24 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT VÀ THẢO LUẬN	TỰ NC VÀ THỰC HÀNH	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
1	CNTC01	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	30	10		Chọn cứng
2	CNTC02	Luật học so sánh	2	30	10	CNBB01 CNBB02	Chọn cứng
3	CNTC10	Tội phạm học	2	30	10	CNBB05 CNBB06	Chọn cứng
4	CNTC11	Khoa học điều tra tội phạm	2	30	10	CNBB07	Chọn cứng
5	CNTC13	Tâm lý học tư pháp	2	30	10	CNBB07	Chọn cứng
6	CNTC16	Luật sở hữu trí tuệ	2	30	10	CNBB08 CNBB09	Chọn cứng
7	CNTC27	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	30	10	CNBB12	Chọn cứng
8	CNTC28	Luật môi trường	2	30	10		Chọn cứng
9	CNTC34	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	2	30	10	CNBB17	
10	CNTC39	Pháp luật về trọng tài thương mại	2	30	10	CNBB18	Chọn 01
11	CNTC41	Pháp luật liên minh châu Âu	2	30	10		
12	CNTC04	Luật hiến pháp nước ngoài	2	30	10	CNBB01	
13	CNTC05	Luật tổ tụng hành chính	2	30	10	CNBB04	Chọn 01 môn
14	CNTC43	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	30	10	CNBB04	
15	CNTC19	Luật bình đẳng giới	2	30	10	CNBB10	Chọn 01 môn
16	CNTC21	Luật thi hành án dân sự	2	30	10	CNBB11	
17	CNTC22	Luật đầu tư	2	30	10	CNBB12	
18	CNTC23	Luật an sinh xã hội	2	30	10	CNBB14	
19	CNTC24	Luật ngân hàng	2	30	10	CNBB12	Chọn 01 môn
20	CNTC30	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	30	10	CNBB16	

III. KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẬP VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 tín chỉ, gồm:

- Khối kiến thức cho thực tập tốt nghiệp: 3-4 tín chỉ.
- Khối kiến thức cho thi tốt nghiệp: 6-7 tín chỉ.

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Số: 1577/QĐ-ĐHLHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai ngành Luật, hình thức vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về việc đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học Đào tạo và Trưởng Khoa Đào tạo tại chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai ngành Luật, hình thức vừa làm vừa học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho các khóa được tuyển sinh từ năm học 2015-2016.

Điều 3. Trưởng Khoa Đào tạo tại chức, Trưởng các khoa, bộ môn, Giám đốc trung tâm trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Website Trường;
- Lưu VT, DT.



Phan Chí Hiếu

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
THỨ ĐẠI NGÀNH LUẬT, HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1517/QĐ-DHLHN ngày 22 tháng 6 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Phần một
**MỤC TIÊU, THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO**

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành.

Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân luật có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: từ 2,5 đến 03 năm

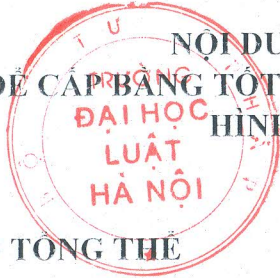
2. Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khoá học: tương đương **107 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **07 tín chỉ** (03 tín chỉ bắt buộc và 04 tín chỉ tự chọn);

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **90 tín chỉ** (66 tín chỉ bắt buộc và 24 tín chỉ tự chọn);

- Khối kiến thức thực tập và thi tốt nghiệp: **10 tín chỉ**.

Phần hai
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC THỨ HAI NGÀNH LUẬT,
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC



A. NỘI DUNG TỔNG THỂ

I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 7 tín chỉ

1.1. Phần bắt buộc chung: 3 tín chỉ

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TC	LÝ THUYẾT VÀ THẢO LUẬN	TỰ NGHIÊN CỨU VÀ THỰC HÀNH	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	DCBB05	Xã hội học pháp luật	3	45	15		

1.2. Phần tự chọn: Chọn 4 tín chỉ, gồm các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, cơ sở 'hỏi ngành.

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TÍN CHỈ	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	ĐCTC02	Quan hệ kinh tế quốc tế	2		
2	ĐCTC04	Đại cương văn hoá Việt Nam	2		
3	ĐCTC06	Logic học	2		
4	ĐCTC07	Nghề luật và đạo đức nghề luật	2		

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 90 tín chỉ

2.1. Phần bắt buộc: 66 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TÍN CHỈ	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	CNBB01	Lý luận nhà nước và pháp luật	5		
2	CNBB02	Luật hiến pháp	4	CNBB01	
3	CNBB03	Xây dựng văn bản pháp luật	3	CNBB01 CNBB02	
4	CNBB04	Luật hành chính	4	CNBB01 CNBB02	
5	CNBB05	Luật hình sự 1	3		
6	CNBB06	Luật hình sự 2	3	CNBB05	
7	CNBB07	Luật tố tụng hình sự	3	CNBB05 CNBB06	
8	CNBB08	Luật dân sự 1	3	CNBB02	
9	CNBB09	Luật dân sự 2	3	CNBB08	
10	CNBB10	Luật hôn nhân và gia đình	3	CNBB08	

11	CNBB11	Luật tổ tụng dân sự	3	CNBB08 CNBB09 CNBB10	
12	CNBB12	Luật thương mại 1	3	CNBB08	
13	CNBB13	Luật thương mại 2	3	CNBB12	
14	CNBB14	Luật lao động	3	CNBB08 CNBB09	
15	CNBB15	Luật tài chính	3		
16	CNBB16	Luật đất đai	3	CNBB08	
17	CNBB17	Công pháp quốc tế	4	CNBB02	
18	CNBB18	Tư pháp quốc tế	4	CNBB08	
19	CNBB19	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3		
20	CNBB20	Luật thương mại quốc tế	3	CNBB12 CNBB13	

2.2. Phần tự chọn: 24 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC (HỌC PHẦN)	SỐ TÍN CHỈ	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	CNTC01	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2		
2	CNTC02	Luật học so sánh	2	CNBB01 CNBB02	
3	CNTC03	Tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	2	CNBB02	
4	CNTC04	Luật hiến pháp nước ngoài	2	CNBB01	
5	CNTC05	Luật tổ tụng hành chính	2	CNBB04	
6	CNTC43	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	CNBB04	
7	CNTC10	Tội phạm học	2	CNBB05 CNBB06	
8	CNTC11	Khoa học điều tra tội phạm	2	CNBB07	
9	CNTC13	Tâm lý học tư pháp	2	CNBB07	
10	CNTC16	Luật sở hữu trí tuệ	2	CNBB08 CNBB09	
11	CNTC19	Luật bình đẳng giới	2	CNBB10	
12	CNTC21	Luật thi hành án dân sự	2	CNBB11	
13	CNTC22	Luật đầu tư	2	CNBB12	
14	CNTC23	Luật an sinh xã hội	2	CNBB14	
15	CNTC24	Luật ngân hàng	2	CNBB12	

16	CNTC27	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	CNBB12	
17	CNTC28	Luật môi trường	2		
18	CNTC30	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	CNBB16	
19	CNTC34	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	2	CNBB17	
20	CNTC39	Pháp luật về trọng tài thương mại	2	CNBB18	
21	CNTC41	Pháp luật liên minh châu Âu	2		

III. KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẬP VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 tín chỉ, gồm:

Khối kiến thức cho thực tập tốt nghiệp: 3-4 tín chỉ

Khối kiến thức cho thi tốt nghiệp: 6-7 tín chỉ